

第58回中日本フェンシング選手権大会

一般男子 予選プール結果

技術委員署名

所 属	氏 名	No.	1	2	3	4	5	6	M	V	V/M	TD	TR	ind	順位
中央大学	上野 優斗	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	3	8.333	1
宮城県	斎藤 有	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	3	6.667	2
中央大学	石井 魁	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	4	5.000	3
仙台城南高校	淡路 卓	1	*	V5	V5	V5	V5	V5	5	5	1.000	25	7	3.571	4
慶應義塾大学	中川 啓瑛	4	V5	V5	V5	*	V5		4	4	1.000	20	6	3.333	5
拓殖大学	根橋 大空	2	V5	*	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	8	2.500	6
和歌山C	松尾 優樹	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	10	2.000	7
中央大学	小澤 将也	1	*	V5	V5	V5	V5		4	4	1.000	20	10	2.000	8
中央大学	菅原 康平	5	V5	V5	V5	V5	*		4	4	1.000	20	14	1.429	9
中央大学	永野 雄大	1	*	4	V5	V5	V5	V5	5	4	0.800	24	9	2.667	10
日本体育大学	内村 宥基	2	V5	*	V5	V5	3	V5	5	4	0.800	23	12	1.917	11
立命館大学	神杉 諒太	3	3	V5	*	V5	V5	V5	5	4	0.800	23	13	1.769	12
愛知工業大学	佐々木 拓海	1	*	V5	V5	3	V5	V5	5	4	0.800	23	16	1.438	13
大分県選抜	中村 太郎	2	V5	*	V5	V5	4		4	3	0.750	19	6	3.167	14
和歌山C	佐野 多加文	1	*	V5	V5	4	V5		4	3	0.750	19	8	2.375	15
京都C	西村 拓也	1	*	V5	4	V5	V5		4	3	0.750	19	9	2.111	16
龍谷大学	清胤 慶英	4	3	V5	V5	*	V5		4	3	0.750	18	9	2.000	17
朝日大学	野口 舞人	1	*	4	V5	V5	V5		4	3	0.750	19	10	1.900	18
中央大学	松村 侑馬	2	V5	*	V5	4	V5		4	3	0.750	19	10	1.900	19
明治大学	村元 友大	3	2	V5	*	V5	V5		4	3	0.750	17	9	1.889	20
津東高校	大野 幸太	2	V5	*	V5	1	V5		4	3	0.750	16	9	1.778	21
朝日大学	奥本 龍一	5	V5	0	V5	V5	*		4	3	0.750	15	9	1.667	22
明治大学	久米 春貴	1	*	V5	1	V5	V5		4	3	0.750	16	10	1.600	23
朝日ガスエナジー	池畑 亮太朗	2	2	*	V5	V5	V5		4	3	0.750	17	11	1.545	24
龍谷大学	上田 遼	5	3	V5	V5	V5	*		4	3	0.750	18	12	1.500	25
中央大学	中村 豪	4	3	V5	V5	*	V5		4	3	0.750	18	12	1.500	26
龍谷大学	村崎 祐真	4	V5	V5	4	*	V5		4	3	0.750	19	13	1.462	27
大阪市立大学	原野 隼輔	3	V5	V5	*	1	V5		4	3	0.750	16	12	1.333	28
拓殖大学	田村 祐介	4	V5	V5	4	*	3	V5	5	3	0.600	22	18	1.222	29
愛知工業大学	浦田 尚吾	6	2	2	V5	V5	V5	*	5	3	0.600	19	16	1.188	30
近畿大学	黒川 康貴	2	2	*	V5	V5	V5	4	5	3	0.600	21	19	1.105	31
愛知工業大学	吉田 龍哉	4	2	4	V5	*	V5	V5	5	3	0.600	21	19	1.105	32
鳥羽高校	松本 優	3	0	V5	*	3	V5	V5	5	3	0.600	18	17	1.059	33
京都C	安養寺 弘樹	5	2	4	V5	V5	*	V5	5	3	0.600	21	20	1.050	34
中央大学	五十畑 輝	3	4	V5	*	V5	4		4	2	0.500	18	12	1.500	35
拓殖大学	安部 克啓	3	1	3	*	V5	V5		4	2	0.500	14	12	1.167	36
大分県選抜	御手洗 拓真	3	V5	V5	*	2	4		4	2	0.500	16	14	1.143	37
龍谷大学	服部 佑紀	2	2	*	V5	V5	3		4	2	0.500	15	14	1.071	38
関西学院大学	瓜生 陽	1	*	4	V5	V5	1		4	2	0.500	15	15	1.000	39
京都C	北村 賢史	1	*	1	V5	V5	4		4	2	0.500	15	16	0.938	40
愛知工業大学	島田 翔大	4	2	2	V5	*	V5		4	2	0.500	14	15	0.933	41
同志社大学	篠原 瑞公	3	2	1	*	V5	V5		4	2	0.500	13	14	0.929	42
愛知工業大学	藪 一輝	2	0	*	V5	V5	4		4	2	0.500	14	16	0.875	43
関西学院大学	大釜 辰也	5	1	V5	1	V5	*		4	2	0.500	12	14	0.857	44
明治大学	岸 貴範	1	*	2	V5	1	V5		4	2	0.500	13	16	0.813	45
同志社大学	加藤 啓吾	3	0	1	*	V5	V5		4	2	0.500	11	16	0.688	46
広島C	栗栖 嵩昌	4	1	V5	V5	*	0		4	2	0.500	11	18	0.611	47
中央大学	平田 佳史樹	5	3	V5	2	V5	*	3	5	2	0.400	18	19	0.947	48
愛知工業大学	宮地 恭平	6	1	V5	V5	4	4	*	5	2	0.400	19	22	0.864	49
朝日大学	岡村 駿	5	0	V5	3	4	*	V5	5	2	0.400	17	20	0.850	50
龍谷大学	正田 椋太郎	3	1	1	*	V5	V5	2	5	2	0.400	14	17	0.824	51
中京大学	竹内 凱	5	1	V5	1	V5	*	4	5	2	0.400	16	20	0.800	52
甲南大学	野口 陽史	6	1	V5	0	4	V5	*	5	2	0.400	15	19	0.789	53
龍谷大学	石附 洵之介	2	1	*	2	V5	2	V5	5	2	0.400	15	22	0.682	54
防衛大学校	佐藤 翔一郎	5	4	V5	4	4	*		4	1	0.250	17	18	0.944	55

